

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 338/2018/HS-ST

Ngày: 27-9-2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chánh
2. Bà Trương Thị Thìn

- Thư ký phiên tòa:

Ông Phan Văn Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP.B tham gia phiên tòa:

Ông Lê Duy Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 298/2018/TLST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 322 /2018/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2018, đối với bị cáo:

Vũ Trường S; sinh ngày 03 tháng 01 năm 1986 tại tỉnh Đồng Nai; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi thường trú: Xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: không ở nhất định; Tham gia Đảng, đoàn thể: không; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Xuân B, sinh năm 1948 và bà Lê Thúy N, sinh năm 1960; có vợ tên Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1987 (đã ly hôn); con không có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ ngày 10/6/2018, chuyển tạm giam theo Lệnh tạm giam số 301 ngày 19/6/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, tỉnh Đồng Nai và Lệnh tạm giam số 6826/LTG-VKSB ngày 08/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B. (có mặt)

+ *Bị hại:* Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1969; nơi cư trú: Phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt).

Chị Nguyễn Thị Ha, sinh năm 1988; nơi cư trú: Phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt).

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* anh Nguyễn Đình H, sinh năm 1984, nơi cư trú: Phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Trường S và đối tượng tên Li (không rõ họ và địa chỉ) có quen biết với nhau. Vào ngày 09/6/2018 trong lúc đang dọn đồ để trả phòng trọ thì S gặp L. Do không có chỗ ở nên L rủ S đi thuê nhà nghỉ ở tạm. Sau đó, cả hai đi thuê tại nhà nghỉ “D” phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Đến khoảng 00 giờ ngày 10/6/2018, sau khi cùng nhau đi nhậu về nhà nghỉ, L nhờ S chở đi công việc thì S đồng ý và sử dụng xe mô tô hiệu Max biên số 60F2-193.65 chở L đi đến khu vực gần quán cà phê “Nh” thuộc phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và S quay về nhà nghỉ ngủ. Đến khoảng 05 giờ cùng ngày Li quay về nhà nghỉ và lấy ra từ trên người 02 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 để lên trên giường, đi vào phòng vệ sinh một lúc, sau đó ra nói với S tắt hết điện trong phòng, đồng thời Li đeo khẩu trang và tiếp tục đi vào phòng vệ sinh nói chuyện qua điện thoại với ai đó khoảng 01 tiếng sau thì đi ra và S có nghe Li nói “ Mày định vị tao hả”. Sau đó, Li đưa 02 chiếc điện thoại trên cho S cầm, đồng thời nói S nhanh chóng trả phòng để mang 02 chiếc điện thoại trên đi bán và Li sẽ cho S tiền. Qua hành động và lời nói trên của Li, S thấy trước đó Li không có điện thoại nên S biết 02 chiếc điện thoại trên là do Li chiếm đoạt của người khác nhưng do không có tiền nên S đã đồng ý và bỏ 01 chiếc điện thoại vào trong túi quần để đi tiêu thụ. Đến khoảng 8 giờ 30 phút cùng ngày, khi S và Li đi ra khu vực quây tiếp tân của nhà nghỉ trả phòng để đi tiêu thụ tài sản thì bị anh Nguyễn Đình H và anh Nguyễn Văn C qua định vị điện thoại và kiểm tra phát hiện 02 chiếc điện thoại trên người của S, là tài sản của bà Nguyễn Thị X là mẹ của anh H và chị Nguyễn Thị Ha là vợ của anh H bị mất trộm cùng với chiếc điện thoại hiệu Iphone 7 của anh H vào đêm ngày 09/6/2018 tại nhà phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Sau đó S đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B bắt giữ khẩn cấp để điều tra, xử lý. Riêng đối tượng tên Li đã tẩu thoát.

Vật chứng của vụ án:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 (64 GB), số imei 354444067411670 của chị Ha và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 (16GB), số imei 359237060605156 của bà X, thu giữ trên người S. Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà X và chị Ha.

- 01 chiếc giỏ xách bằng vải màu đen, thu giữ được của bị cáo S, là đồ vật và tài sản cá nhân của bị cáo S, không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo S.

- 01 cái rữa bằng kim loại (dài 20cm) và 01 đoạn kim loại hình chữ L (dài 15cm), thu giữ được trong giỏ xách của bị cáo và bị cáo khai là đồ vật của đối tượng tên Li

nên chuyển theo vụ án “ Trộm cắp tài sản” để tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ và xử lý sau.

- 01 xe mô tô hiệu Max biển số 60F2-193.65 thu giữ của bị cáo Sơn, là xe bị cáo khai mượn của một người tên Lơ (không rõ họ, địa chỉ), chưa xác minh, điều tra làm rõ và xử lý sau.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 174/TCKH-HĐĐG ngày 18/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Biên Hòa kết luận: “ 01 điện thoại di động Iphone 6 (64 GB), số imei 354444067411670 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 (16GB), số imei 359237060605156, đã qua sử dụng, chất lượng còn lại 50%, tổng trị giá 7.979.000đ”.

Về dân sự: Chị X và chị Ha đã nhận lại tài sản bị mất nên không có yêu cầu bồi thường.

Tại Cáo trạng số 306/CT-VKSBH ngày 27/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Vũ Trường S về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại Điều 15; khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa trình bày lời luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

- Áp dụng Điều 15; khoản 1 Điều 323; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Trường S với mức án từ 06 đến 08 tháng tù.

Đối với hành vi “Trộm cắp tài sản” của đối tượng tên Li (không rõ họ, địa chỉ) Cơ quan điều tra đã ra Quyết định tách vụ án tiếp tục làm rõ, xử lý theo quy định pháp luật. Do đó, vật chứng thu giữ 01 cái rũa bằng kim loại (dài 20cm) và 01 đoạn kim loại hình chữ L (dài 15cm) bị cáo Sơn khai là đồ vật của đối tượng tên Li và 01 chiếc điện thoại Iphone 7 của anh H bị mất trộm, do đối tượng Li đã bỏ trốn chưa thu hồi, làm rõ được nên chuyển theo vụ án “ Trộm cắp tài sản” để xác minh, điều tra làm rõ và xử lý sau.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Max biển số 60F2-193.65, là xe bị cáo khai mượn của một người tên Lơ (không rõ họ, địa chỉ), Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người liên quan anh Nguyễn Đình H trình bày có chiếc điện thoại Nokia màu đen của bị cáo S có gắn số sim của chiếc điện thoại Iphone 7 mà anh H bị mất và lời khai của bị cáo xác định là điện thoại bị cáo mượn của đối tượng tên Lơ (không rõ họ và địa chỉ). Tuy nhiên ngoài lời khai của bị cáo và anh H, không có tài liệu nào khác thể hiện; bản thân bị cáo khai bị cáo mượn điện thoại này của Lơ, không có sim, bị cáo không biết ai đã gắn sim vào chiếc điện thoại này, trong khi đó đối tượng Li hiện đang bỏ trốn, chưa xác định được. Do đó, đề nghị cơ quan Điều tra tiếp tục xác minh điều tra làm rõ các nội dung liên quan đến chiếc điện thoại trên để xử lý trong vụ án “Trộm cắp tài sản” đã được tách ra (theo Quyết định số 09 ngày 03/8/2018 của Cơ quan điều tra) để giải quyết theo quy định pháp luật.

Ý kiến của bị cáo: Không phát biểu tranh luận và không bào chữa.

Ý kiến của người bị hại: Vắng mặt.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh H thống nhất việc tách chuyên theo vụ án “Trộm cắp tài sản” để xác minh, điều tra làm rõ 01 chiếc điện thoại Iphone 7 của anh H bị mất trộm và xử lý sau.

Trong phần phát biểu lời nói sau cùng: Bị cáo S xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và hứa không tái phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục qui định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Vũ Trường S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như sau: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 10/6/2018, tại nhà nghỉ “D” phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, mặc dù bị cáo biết rõ 02 chiếc điện thoại di động Iphone 6 (64 GB) trị giá 4.380.000đ của chị Ha và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 (16GB) trị giá 3.599.000đ của bà X, tổng giá trị tài sản là 7.979.000đ là tài sản do phạm tội mà có nhưng bị cáo S vẫn đồng ý tiêu thụ; Khi bị cáo S đi ra khu vực quây tiếp tân của nhà nghỉ trả phòng để đi tiêu thụ tài sản thì bị phát hiện bắt giữ, điều tra xử lý.

[3] Đối chiếu lời khai của bị cáo S tại phiên tòa với lời khai của người bị hại, các nhân chứng và các chứng cứ, tài liệu mà Cơ quan điều tra thu thập, nhận thấy: bị cáo Sơn biết rõ 02 chiếc điện thoại Iphone 6 là tài sản do phạm tội mà có nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện là đi tiêu thụ tài sản trên nên có căn cứ kết luận hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), tuy nhiên trên đường đi tiêu thụ bị cáo S không thực hiện được là do bị phát hiện bắt giữ, đó là ngoài ý muốn của bị cáo nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự trong trường hợp phạm tội chưa đạt quy định tại Điều 15 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), tội danh và hình phạt như Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã viện dẫn và truy tố.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gián tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự tại địa phương, gây bất bình cho quần chúng nhân dân, nên cần xử

phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để cải tạo giáo dục và cũng để răn đe, phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo S không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo S phạm tội nhưng chưa đạt nên chưa gây thiệt hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét cho bị cáo S được hưởng một số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét khi lượng hình.

[7] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đồng đến 50.000.000đ đồng”, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là thành phần lao động nghèo, không có tài sản riêng, nghề nghiệp không ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo S.

[8] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Chị X và chị Ha đã được giao trả lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đặt ra giải quyết.

[9] Đối với hành vi “Trộm cắp tài sản” của đối tượng tên Li (không rõ họ, địa chỉ) đã bỏ trốn, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã tách vụ án theo quy định tại Điều 36 và Điều 170 của Bộ luật Tố tụng hình sự để tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý theo quy định pháp luật.

[10] Về vật chứng, xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tại phiên tòa, anh H trình bày: khi bị cáo S bị bắt giữ Công an phường Tân Hiệp có trả lại cho anh sim số điện thoại mà anh sử dụng trong chiếc điện thoại Iphone 7 của anh bị mất trộm được tháo ra từ chiếc điện thoại Nokia màu đen mà anh được Công an phường cho biết đó là điện thoại của bị cáo S nên khi truy tìm tài sản bị mất trộm là từ chiếc sim điện thoại đó mới định vị phát hiện bắt giữ bị cáo S. Do đó, chiếc điện thoại Iphone7 của anh H bị mất trộm chưa thu hồi, làm rõ được nên anh H đồng ý chuyển theo vụ án “ Trộm cắp tài sản” để xác minh, điều tra làm rõ và xử lý sau. Đối với chiếc điện thoại Nokia màu đen, bị cáo S thừa nhận chiếc điện thoại trên của bị cáo mượn của người bạn tên Lor (không rõ họ và địa chỉ), tuy nhiên bị cáo không sử dụng vì không có sim điện thoại, khi vào nhà nghỉ “ D” thuê phòng bị cáo để ở trên bàn của phòng thuê ở nhà nghỉ, bị cáo không biết ai đã gắn sim điện thoại của anh H vào, khi bị bắt giữ bị cáo không nhớ chiếc điện thoại đó ở đâu còn hay mất, khi Cơ quan điều tra lập biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu của bị cáo ngày 10/6/2018 không có chiếc điện thoại Nokia màu đen trong biên bản tạm giữ nên bị cáo S không có ý kiến yêu cầu gì về chiếc điện thoại trên, không đặt ra xem xét.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 (64 GB) của chị Ha và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 (16GB) của bà X. Cơ quan điều tra đã xử lý giao trả lại cho người bị hại là bà X và chị Ha là đúng theo quy định của pháp luật.

- 01 chiếc giỏ xách bằng vải màu đen là tài sản cá nhân của bị cáo S, không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo S là phù hợp với quy định của pháp luật.

- 01 cái rũa bằng kim loại (dài 20cm) và 01 đoạn kim loại hình chữ L (dài 15cm), thu giữ được, bị cáo S khai là đồ vật của đối tượng tên Li nên chuyển theo vụ án “ Trộm cắp tài sản” để xác minh, điều tra làm rõ và xử lý sau.

- Đối với 01 xe mô tô hiệu Max biển số 60F2-193.65, là xe bị cáo khai mượn của một người tên Lơ (không rõ họ, địa chỉ), Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau theo quy định của pháp luật.

[11] Về án phí Hình sự sơ thẩm: Bị cáo S phải chịu 200.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 15; khoản 1 Điều 323; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo **Vũ Trường S** phạm tội “ **Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có** ”.

Xử phạt: **Vũ Trường S 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/6/2018.**

Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo S phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo S, anh Nguyễn Đình H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các bị hại bà X và chị Ha vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định pháp luật./-

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai.
- VKSND TP. Biên Hòa.
- Cơ quan CSĐT Công an TP. Biên Hòa.
- T.H.A Hình sự.
- Nhà tạm giữ - CA TP. Biên Hòa.
- Chi cục THADS TP.B.
- Bị cáo; Bị hại; Người liên quan.
- Lưu HS-VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Lan Chi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Tại phiên tòa, anh Huy trình bày: khi bị cáo Sơn bị bắt giữ Công an phường Tân Hiệp có trả lại cho anh sim số điện thoại mà anh sử dụng trong chiếc điện thoại Iphone 7 của anh bị mất trộm được tháo ra từ chiếc điện thoại Nokia màu đen mà anh được

Công an thường cho biết đó là điện thoại của bị cáo Sơn nên khi truy tìm tài sản bị mất trộm là từ chiếc sim điện thoại đó mới định vị phát hiện bắt giữ bị cáo Sơn. Do đó, chiếc điện thoại Iphone 7 của anh Huy bị mất trộm chưa thu hồi, làm rõ được nên anh đồng ý chuyển theo vụ án “ Trộm cắp tài sản” để xác minh, điều tra làm rõ và xử lý sau.

- Đối với chiếc điện thoại Nokia màu đen bị cáo Sơn thừa nhận là của bị cáo mượn của bạn tên Lợi (không rõ, họ tên, địa chỉ) để sử dụng liên hệ khi đi xin việc làm không có sim điện thoại nên bị cáo không sử dụng, lý do sim điện thoại của anh Huy trong máy điện thoại của bị cáo, bị cáo không biết có phải Linh gắn sim điện thoại của anh Huy vào điện thoại của bị cáo để sử dụng hay không. Tại biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu của bị cáo ngày 10/6/2018 khi bị cáo bị bắt giữ thì không thể hiện có chiếc điện thoại Nokia màu đen, quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo không trình bày về đồ vật tài liệu của bị cáo bị thu giữ có chiếc điện thoại Nokia màu đen, đến khi anh Huy trình bày bổ sung thêm tình tiết mới tại phiên tòa, khi chủ tọa hỏi bị cáo mới trình bày và xác nhận là có chiếc điện thoại Nokia màu đen của bị cáo.

[9] Đối với hành vi “Trộm cắp tài sản” của đối tượng tên Linh (không rõ họ, địa chỉ) đã bỏ trốn, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã tách vụ án theo quy định tại Điều 36 và Điều 170 của Bộ luật Tố tụng hình sự để tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, anh Huy trình bày thêm: khi bị cáo Sơn bị bắt giữ Công an phường Tân Hiệp có trả lại cho anh sim số điện thoại mà anh sử dụng trong chiếc điện thoại Iphone 7 của anh bị mất trộm được tháo ra từ chiếc điện thoại Nokia màu đen mà anh được Công an phường cho biết đó là điện thoại của bị cáo Sơn nên khi truy tìm tài sản bị mất trộm là từ chiếc sim điện thoại đó mới định vị phát hiện bắt giữ bị cáo Sơn. Do đó, chiếc điện thoại Iphone 7 của anh Huy bị mất trộm chưa thu hồi, làm rõ được nên chuyển theo vụ án “ Trộm cắp tài sản” để xác minh, điều tra làm rõ và xử lý sau.

[10] Về vật chứng, xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Đối với chiếc điện thoại Nokia màu đen, tại phiên tòa khi anh Huy bổ sung trình bày về chiếc điện thoại trên là của bị cáo Sơn thì bị cáo Sơn thừa nhận là đúng, tuy nhiên bị cáo không biết khi bị bắt giữ chiếc điện thoại đó ở đâu, bị cáo không sử dụng và không cầm giữ chiếc điện thoại trên nên tại biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu của bị cáo ngày 10/6/2018 thì không thể hiện có chiếc điện thoại Nokia màu đen nên bị cáo Sơn không có ý kiến thắc mắc yêu cầu gì về chiếc điện thoại, không đặt ra xem xét.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Thảo